TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST Ngày: 01 - 9 - 2021 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Trung Thành

Bà Lê Thị **N**

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Ông Lê Hồng Ngoạn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị **L**; sinh năm: 1988; nơi cư trú: Làng **PS**, xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Triệu Quốc **P**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Làng **PS**, xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị **L**, anh **P**. Chị **L** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh **P** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị **L** trình bày: Chị và anh Triệu Quốc **P** kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 13/9/2011 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng

không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **P**.

Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Triệu **B**, sinh ngày 11/3/2014 và cháu Triệu **B N**, sinh ngày 01/7/2015. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh **P** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **L** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Triệu Quốc **P** để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị **L** nhưng anh **P** không có mặt nên không có lời khai của anh **P** và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **L** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **P** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Lê Thị **L** được ly hôn anh Triệu Quốc **P**. Giao cháu Triệu **B**, sinh ngày 11/3/2014 và cháu Triệu **B N**, sinh ngày 01/7/2015 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Triệu Quốc **P** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **P** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **P** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **P** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh **P** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh **P** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **P**.

Chị Lê Thị **L** đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị **L.**

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị **L** và anh Triệu Quốc **P** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2011 tại UBND xã **PG**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, vấn đề này cũng đã được UBND xã **PG** xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **P** lên làm việc để anh **P** được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng anh **P** đều không có mặt, thể hiện anh **P** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **L**, anh **P** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị **L** được ly hôn anh **P.**

[3] Về con cái: Chị **L** và anh **P** có 02 con chung. Xét thấy, hiện tại hai cháu đang ở với chị **L**. Cháu **B** có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu **N** đang còn nhỏ, ở với mẹ sẽ tốt hơn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm **B** sự phát triển ổn định về mọi mặt cho hai cháu, cũng như theo nguyện vọng của cháu **B**, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **L**, giao cả hai cháu cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị **L**, anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị **L** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **L** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chị đã có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, chị thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy cần miễn án phí cho chị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị **L** được ly hôn anh Triệu Quốc **P**.

2. Về con cái: Giao cháu Triệu **B**, sinh ngày 11/3/2014 và cháu Triệu **B N**, sinh ngày 01/7/2015 cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **P** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **P** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn cho chị Lê Thị **L.**

Án xử công khai sơ thẩm. Chị **L,** anh **P** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **PG**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Bùi Trung Thành **Lê Thị N** **Nguyễn Thanh Tân**